

Bản án số: 480/2021/DS-PT

Ngày: 19/5/2021

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Hồng Loan

Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Thủy

Bà Lê Thị Ngọc Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Nguyễn Thanh Hồng – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Lê Trọng Long – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 12 và 19/5/2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 14/2021/TLPT-DS ngày 05/01/2021 về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 447/2020/DS-ST ngày 24/11/2020 của Tòa án nhân dân Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1929/2021/QĐPT-DS ngày 29/4/2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Đặng Lê Minh Tr**, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Số 143 đường số 20, Phường E, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông **Vũ Trung H**, sinh năm 1991 hoặc ông **Phạm Bình Ph**, sinh năm 1995 (Có mặt).

Cùng địa chỉ liên hệ: Số 41 đường B, Phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Là người đại diện theo ủy quyền (Theo Giấy ủy quyền số công chứng 8735, quyển số 04/2021 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 13/4/2021 do Văn phòng Công chứng B, Thành phố Hồ Chí Minh chứng nhận).

2. Bị đơn: Bà **Trang Thị Kim D**, sinh năm 1970 (Có mặt).

Địa chỉ: Số 436A/54 đường B, Phường G, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư **Vũ Thế H1**
– Công ty Luật TNHH MTV Livelaw – thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ: Số 105/5 đường L, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà **Thiều Thị Phương A**, sinh năm 1984 (Xin vắng mặt).

Địa chỉ: Số 44/20 đường T, Phường F, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. *Người kháng cáo:* Bị đơn bà Trang Thị Kim D.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm thể hiện nội dung vụ án như sau:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 15/10/2019 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Đặng Lê Minh Tr do ông Vũ Trung H là người đại diện theo ủy quyền trình bày: Do ông Tr, bà D là chị em họ nên bà D có điện thoại cho ông Tr hỏi vay tiền và tự nguyện đưa ra lãi suất là 2%/tháng, trả vào ngày 20 hàng tháng. Từ tháng 11/2017 đến tháng 11/2018 ông Tr cho bà D vay tổng cộng là 1.750.000.000 đồng, được chia thành 02 đợt:

Đợt 1: Trong khoảng thời gian từ ngày 17/11/2017 đến ngày 10/8/2017 ông Tr chuyển tiền cho bà D thành 07 lần tổng cộng là 1.550.000.000 đồng.

Đợt 2: Ngày 01/10/2018, ông Tr chuyển cho bà D số tiền 204.200.000 đồng.

Do ông Tr thường xuyên đi công tác nên tất cả số tiền trên ông nhờ bà Thiều Thị Phương A là nhân viên công ty chuyển cho bà D. Do nhầm lẫn nên bà Phương A đã chuyển dư cho bà D số tiền 4.200.000 đồng nhưng ông Tr không yêu cầu bà D trả lại số tiền này. Để xác nhận lại số tiền bà D đã vay nên ngày 01/4/2019 ông Tr và bà D đến Phòng công chứng số 6 ký Hợp đồng vay tiền số công chứng 5556, quyền số 04 TP/CC-SCC/HĐGD có nội dung: Ông Tr cho bà D vay số tiền 1.750.000.000 đồng, thời hạn vay 01 năm kể từ ngày công chứng, mục đích để kinh doanh, theo hợp đồng ghi nhận không tính lãi suất nhưng thực tế bà D vẫn trả lãi cho ông Tr. Trong quá trình vay, đến tháng 10/2019 bà D mới trả cho ông Tr 100.000.000 đồng tiền lãi. Do bà D không thực hiện việc trả lãi đúng như thời gian hai bên thỏa thuận, đồng thời ông Tr cần tiền mua nhà nên ngày 17/12/2019 ông có gửi thư thông báo yêu cầu bà D trả cho ông tiền gốc và lãi trong vòng 01 tuần. Tuy nhiên đến nay bà D vẫn chưa trả bất cứ khoản tiền nào cho ông. Nay ông Đặng Lê Minh Tr yêu cầu bà Trang Thị Kim D hoàn trả số tiền gốc đã vay là 1.750.000.000 đồng; tiền lãi tạm tính từ ngày 01/12/2019 đến ngày 17/11/2020 theo lãi suất 20%/năm là 338.800.000 đồng. Tổng cộng tiền gốc và lãi tạm tính đến ngày xét xử là 2.088.800.000 đồng. Bà D tiếp tục trả lãi trên số tiền gốc còn thiếu cho đến khi trả hết nợ. Đối với khoản tiền lãi còn thiếu từ thời điểm cho vay đến ngày 30/11/2019 ông Tr không yêu cầu bà D trả.

Bị đơn bà Trang Thị Kim D trình bày: Ngày 01/4/2019 bà và ông Đặng Lê Minh Tr có ký hợp đồng vay tiền tại Phòng công chứng số 6 với số tiền vay là 1.750.000.000 đồng, thời hạn vay 01 năm kể từ ngày công chứng, mục đích để kinh doanh, không lãi suất. Nhưng hợp đồng vay này chỉ là do ông Tr kêu bà ký, thực tế bà không nhận khoản tiền này.

Ngày 10/7/2020 bà D có đơn phản tố yêu cầu ông Tr trả cho bà số tiền 240.000.000 đồng là tiền ông Tr mượn bà để sử dụng cho mục đích riêng của ông Tr. Vì ông Tr và bà là chị em họ thân thiết nên giữa bà và ông Tr chỉ nói miệng, không lập hợp đồng nên bà không có tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu này. Bà đề nghị Hội đồng xét xử triệu tập ông Tr để làm rõ yêu cầu phản tố của bà.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Thiều Thị Phương A trình bày: Bà D có gọi điện vay của ông Tr số tiền 1.750.000.000 đồng với lãi suất 2%/tháng. Ông Tr có nhờ bà đưa cho bà D 02 đợt tiền tổng cộng 1.754.200.000 đồng. Sau đó bà có làm bằng tổng hợp từng đợt giao tiền gửi cho bà D qua tin nhắn ứng dụng Viber vào ngày 12/01/2019 và được bà D xác nhận đồng ý.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 447/2020/DS-ST ngày 24/11/2020 của Tòa án nhân dân Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Lê Minh Tr.

Buộc bà Trang Thị Kim D có trách nhiệm trả cho ông Đặng Lê Minh Tr số nợ gốc là 1.750.000.000 (Một tỷ bảy trăm năm mươi triệu) đồng; tiền lãi tạm tính từ ngày 01/12/2019 đến ngày 17/11/2020 là 337.361.111 (Ba trăm ba mươi bảy triệu ba trăm sáu mươi một nghìn một trăm mười một) đồng.

Thi hành tại cơ quan thi hành án có thẩm quyền.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong khoản tiền trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

[1.2] Bác một phần tiền lãi 1.438.889 (Một triệu bốn trăm ba mươi tám nghìn tám trăm tám mươi chín) đồng.

[1.3] Duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 12/2020/QĐ-BPKCTT ngày 27/7/2020 do Tòa án nhân dân Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh ban hành.

[1.4] Bác toàn bộ yêu cầu phản tố của bà Trang Thị Kim D về việc yêu cầu ông Đặng Lê Minh Tr trả số tiền đã mượn là 240.000.000 (Hai trăm bốn mươi triệu) đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo, quyền và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự.

Ngày 07/12/2020, bị đơn bà Trang Thị Kim D có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn không rút đơn khởi kiện. Bị đơn không rút đơn kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về cách giải quyết vụ án.

Luật sư Vũ Thế H1 là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn bà Trang Thị Kim D trình bày:

- Tòa cấp sơ thẩm thụ lý giải quyết quan hệ tranh chấp là Hợp đồng vay tài sản nhưng Hợp đồng công chứng ký ngày 01/4/2019 đang là đối tượng tranh chấp được Tòa án nhân dân quận B thụ lý và bên nguyên đơn cũng xác định là hợp đồng này ký chỉ để tái xác nhận nợ và đòi lại số tiền này. Như vậy, việc xác định quan hệ pháp luật giải quyết của Tòa sơ thẩm nêu trên là không đúng.

- Theo Hợp đồng công chứng thì hợp đồng có hiệu lực 01 năm kể từ ngày ký, việc vay tiền không có lãi, thực hiện giao nhận tiền tại nhà của bên vay ngoài sự chứng kiến của công chứng viên. Tuy nhiên, từ khi ký đến nay ông Tr không giao tiền cho bà D nên hợp đồng này không còn giá trị. Trong hợp đồng không thể hiện là cho vay có lãi nhưng Tòa cấp sơ thẩm lại buộc bà D phải trả lãi cho ông Tr là không đúng.

- Ông Tr và bà Phương A đã ly hôn, tài sản này có được giải quyết trong bản án ly hôn hay không và ai có quyền sở hữu đối với tài sản này thì chưa được làm rõ.

- Chứng cứ bà D có vay tiền được ông Tr cung cấp cho Tòa là thông qua tin nhắn trên ứng dụng Viber nhưng hoạt động này do nhà mạng nước ngoài quản lý nên không đảm bảo chắc rằng tin nhắn đó là của bà D trong khi bà D không thừa nhận các tin nhắn này. Do đó, việc Tòa án căn cứ vào tài liệu này để buộc bà D phải trả nợ cho ông Tr là không đảm bảo quyền lợi cho bà D.

- Về băng ghi âm thì phải nghe được, đọc được nội dung nhưng thực tế là không nghe rõ và bà D chưa được tiếp cận với văn bản giải trình về xuất xứ của băng ghi âm là không đúng tổ tụng. Hơn nữa, sau khi được nghe công khai đoạn ghi âm tại Tòa, bà D không thừa nhận giọng nói trong đó là của bà và đề nghị giám định nên đây chưa được coi là chứng cứ giải quyết vụ án.

- Bà D đang khởi kiện yêu cầu hủy văn bản công chứng vô hiệu là Hợp đồng vay tài sản ký ngày 01/4/2019 do bị lừa dối. Lẽ ra, Tòa sơ thẩm phải tạm đình chỉ để chờ kết quả giải quyết của vụ án này nhưng lại xét xử luôn là không đúng.

Do hồ sơ chưa đảm bảo về mặt tố tụng nên đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm để xét xử lại theo thủ tục chung.

Bị đơn bà Trang Thị Kim D bổ sung ý kiến: Bà D không thừa nhận có nhận số tiền 1.750.000.000 đồng của ông Tr. Bà đề nghị giám định giọng nói trong đoạn băng ghi âm mà nguyên đơn cung cấp tại Tòa.

Bà D yêu cầu Tòa án buộc ông Tr trả lại cho bà số tiền 240.000.000 đồng. Bà xác định do là chỗ chị em thân tình nên việc vay mượn không làm giấy tờ nên bà yêu cầu được gặp trực tiếp ông Tr để làm rõ về số nợ.

Nguyên đơn ông Đặng Lê Minh Tr có ông Vũ Trung H và ông Phạm Bình Ph là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Về quan hệ tranh chấp: Hợp đồng công chứng chỉ là chứng thư ghi nhận lại có vay số tiền 1.750.000.000 đồng còn việc cho vay đã xảy ra trước đó. Nay ông Tr đòi bà D trả lại số tiền vay nên quan hệ pháp luật được giải quyết là tranh chấp hợp đồng vay tài sản là đúng.

Bà D có vay của ông Tr số tiền 1.750.000.000 đồng được giao làm 02 đợt trong khoảng thời gian từ ngày 17/11/2017 đến ngày 01/10/2018. Việc giao nhận tiền được thông qua bà Thiều Thị Phương A dưới hình thức chuyển khoản hoặc đưa tiền mặt trực tiếp. Ngày 01/4/2019, ông Tr và bà D ký Hợp đồng vay tiền tại Phòng công chứng số 06, Thành phố Hồ Chí Minh để xác định số tiền bà D đã vay của ông Tr. Trong quá trình vay, giữa ông Tr và bà D còn trao đổi với nhau thông qua ứng dụng Viber và nói chuyện qua điện thoại đã được ông Tr ghi âm lại và cung cấp cho Tòa án. Nguyên đơn khẳng định giọng nói trong băng ghi âm là của bà D. Còn việc bà D yêu cầu giám định giọng nói, nguyên đơn không có ý kiến.

Đối với vấn đề ông Tr và bà Phương A ly hôn không liên quan đến vụ án này vì trong quá trình giải quyết, bà Phương A đã có lời khai xác định số tiền ông Tr đòi nợ bà D là tiền riêng của ông Tr.

Với các chứng cứ đã cung cấp đủ cơ sở khẳng định bà D có vay tiền của ông Tr. Đối với yêu cầu của bà D buộc ông Tr trả số tiền 240.000.000 đồng ông Tr không đồng ý vì ông không vay số tiền này. Do đó, nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Tòa cấp phúc thẩm đã thực hiện đúng trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật. Các đương sự cũng được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung: Ngày 01/4/2019, ông Tr và bà D có ký Hợp đồng vay tiền tại Phòng công chứng số 6 để xác nhận số nợ 1.750.000.000 đồng. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà D khai hiện bà đang khởi kiện yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng là Hợp đồng vay tài sản nêu trên vô hiệu do giả tạo và đã được Tòa án nhân dân quận B thụ lý. Như vậy việc đòi nợ của ông Tr có liên quan chặt chẽ đến việc khởi kiện của bà D nên cần phải giải quyết chung trong cùng một vụ án mới toàn diện. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị hủy bản án sơ thẩm để giải quyết lại theo thủ tục chung.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Thiều Thị Phương A có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Ông Tr khởi kiện yêu cầu bà D trả số nợ là 1.750.000.000 đồng. Bà D có yêu cầu phản tố đòi ông Tr trả số tiền 240.000.000 đồng. Tòa cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật được giải quyết là tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng Dân sự là đúng.

[3] Về nội dung:

Xét kháng cáo của bà D đối với Bản án sơ thẩm về giải quyết yêu cầu khởi kiện của ông Tr, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Theo ông Tr trình bày thì ông có cho bà D vay số tiền 1.750.000.000 đồng, chia làm 02 đợt. Đợt 01 giao số tiền 1.550.000.000 đồng vào các ngày 17/11/2017, 21/11/2017, 07/12/2017, 21/12/2017, 01/02/2018, 02/02/2018, 10/7/2018. Đợt 02 giao số tiền 204.200.000 đồng (giao dư 4.200.000 đồng) vào ngày 01/10/2018. Việc giao nhận tiền bằng hình thức chuyển khoản hoặc giao tiền mặt trực tiếp được thực hiện thông qua bà Thiều Thị Phương A. Ông Tr xuất trình tin nhắn thông qua ứng dụng Viber, file ghi âm ghi lại cuộc hội thoại giữa ông Tr với bà D và Hợp đồng vay tiền được Phòng công chứng số 6 chứng thực để chứng minh bà D có vay tiền và chưa thanh toán nên yêu cầu Tòa án buộc bà D trả số nợ trên.

Bà D không thừa nhận có vay của ông Tr số tiền 1.750.000.000 đồng, không thừa nhận nội dung tin nhắn qua ứng dụng Viber vì cho rằng có thể đã bị cắt khúc hoặc chỉnh sửa còn Hợp đồng vay tiền ký ngày 01/4/2019 chỉ là giả tạo, bà D không nhận số tiền 1.750.000.000 đồng từ hợp đồng này.

Xét, các tin nhắn qua ứng dụng Viber được Văn phòng Thừa phát lại Quận X ghi nhận có nhiều nội dung trong đó có nội dung bà D đã nhắn “Ok” dưới bảng tính tổng ghi số tiền 1.750.000.000 đồng. Tuy nhiên, bà D phủ nhận các tin nhắn này vì cho rằng bị cắt khúc, chỉnh sửa. Vì vậy, mặc dù các tin nhắn nêu trên đã được lập vi bằng nhưng việc lập vi bằng chỉ là ghi lại sự kiện có những thông tin nhìn được trên điện thoại tại thời điểm kiểm tra còn tin nhắn có bị cắt khúc, chỉnh sửa không thì cần phải được xác minh hoặc tiến hành giám định mới xác định được. Do đó, nếu chỉ dựa vào việc lập vi bằng của Văn phòng thừa phát lại để xác định tin nhắn qua ứng dụng Viber là chứng cứ để giải quyết vụ án là chưa đủ cơ sở vững chắc.

Đối với Hợp đồng vay tiền được Phòng công chứng số 6 chứng nhận ngày 01/4/2019 ông Tr cho rằng Hợp đồng này nhằm mục đích xác nhận lại số nợ mà bà D đã vay. Điều này có nghĩa rằng đây là nguồn chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của ông Tr là có căn cứ. Tuy nhiên, bà D đang khởi kiện yêu cầu tuyên bố Văn bản công chứng là Hợp đồng vay tài sản nêu trên vô hiệu do giả tạo và vụ án đã được Tòa án nhân dân quận B thụ lý theo Thông báo thụ lý số 1926/2020/TB-TLVA ngày 23/11/2020 hiện trong quá trình thu thập chứng

cứ. Như vậy, việc giải quyết yêu cầu tuyên bố Văn bản công chứng vô hiệu có ý nghĩa quan trọng trong vụ án này. Bởi lẽ, việc chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu hủy văn bản công chứng sẽ dẫn tới Hợp đồng vay tiền này là chứng cứ hoặc không phải là chứng cứ trong vụ án này. Do đó, cần giải quyết yêu cầu đòi nợ của ông Tr và giải quyết yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu của bà D đồng thời trong cùng một vụ án mới toàn diện.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn cung cấp thêm chứng cứ là file ghi âm cuộc hội thoại giữa ông Tr và bà D kèm văn bản trình bày về sự việc liên quan tới việc thu âm đó. Tòa án đã cho các bên nghe lại cuộc hội thoại nhưng bà D không thừa nhận giọng nói trong đó là của bà và đề nghị tiến hành giám định file ghi âm này. Như vậy, file ghi âm mà nguyên đơn bổ sung có ý nghĩa quan trọng để làm căn cứ giải quyết vụ án nên việc giám định giọng nói trong đó có phải là của bà D hay không là cần thiết.

Ngoài ra, Tòa cấp sơ thẩm có ban hành Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 12/2020/QĐ-BPKCTT ngày 27/7/2020 cấm bà Trang chuyển nhượng, tặng cho, cho thuê, cho mượn quyền kinh doanh sạp K12/2+3 chợ Tân Bình. Quá trình giải quyết ở cấp phúc thẩm bà Vũ Minh Hồng có đơn xin được tham gia tố tụng với lý do bà đã nhận chuyển nhượng lại quyền kinh doanh sạp K12/2+3 chợ Tân Bình của bà Trang vào tháng 10/2019 nên việc Tòa án ra Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời làm ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của bà. Như vậy, liên quan đến việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời thì cần phải đưa bà Hồng vào tham gia tố tụng. Đây là tình tiết mới phát sinh mà cấp phúc thẩm không thể bổ sung được vì không đảm bảo các cấp xét xử.

Căn cứ vào những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, chấp nhận kháng cáo của bà Trang Thị Kim D hủy bản án sơ thẩm đối với việc giải quyết yêu cầu khởi kiện của ông Tr để giải quyết lại theo hướng phân tích và giải quyết các yêu cầu khác có liên quan của các đương sự theo đúng quy định của pháp luật. Trong vụ án này, bà D có yêu cầu phản tố đối với nguyên đơn để bù trừ nghĩa vụ nhưng cấp phúc thẩm đã hủy nội dung giải quyết yêu cầu của nguyên đơn nên không xem xét yêu cầu phản tố của bị đơn mà yêu cầu này sẽ được giải quyết lại theo thủ tục chung cùng với yêu cầu của nguyên đơn.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của bà Trang Thị Kim D được Tòa chấp nhận một phần nên bà D không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 148, Khoản 3 Điều 308, Điều 310 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận kháng cáo của bà Trang Thị Kim D.

Tuyên xử:

1/ Hủy bản án dân sự sơ thẩm số 447/2020/DS-ST ngày 24/11/2020 của Tòa án nhân dân Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết sơ thẩm lại theo thủ tục chung.

2/ Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Trang Thị Kim D không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm cho bà D là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu số AA/2019/0049816 ngày 07/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Chi cục THADS Quận X;
- TAND Quận X;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HS, VT (T/20)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Hồng Loan

